UBND PHƯỜNG PHÙ LIỄN **HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01-TB/HĐBT,HT&TĐC	*Phù Liễn, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An (đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND của UBND phường Phù Liễn về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ kết quả đo đạc, kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất,

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn thông báo:

1. Nội dung niêm yết công khai

Niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 240 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn bàn các tổ dân phố: Đẩu Vũ, Đẩu Phượng 1, Đẩu Phượng 2; Đồng Tử 3, Đồng Tử 2, Kiến Thiết, Hòa Bình, Vinh Quang có đất nông nghiệp bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An.

Nội dung dự thảo phương án bao gồm:

- Diện tích đất thu hồi của từng hộ gia đình, cá nhân;
- Mức bồi thường về đất, cây cối, hoa màu;
- Các khoản hỗ trợ theo quy định
- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

(Có bảng tổng hợp kèm theo).

2. Địa điểm niêm yết

- Trụ sở UBND phường Phù Liễn;

- Nhà văn hóa các tổ dân phố: Đầu Vũ, Đầu Phượng 1, Đầu Phượng 2; Đồng Tử 3, Đồng Tử 2, Kiến Thiết, Hòa Bình, Vinh Quang.

3. Thời gian niêm yết

Thời gian niêm yết công khai: **10 ngày**, kể từ ngày **13** tháng **3** năm **2026** đến hết ngày **23** tháng **3** năm **2026**.

4. Tiếp nhận ý kiến của người dân

Trong thời gian niêm yết công khai, đề nghị các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi:

- Nghiên cứu nội dung dự thảo phương án;

- Trường hợp có ý kiến, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản hoặc phản ánh trực tiếp đến Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn để được xem xét, tổng hợp, điều chỉnh theo quy định.

Hết thời hạn niêm yết công khai nêu trên, nếu các hộ dân không có ý kiến hoặc ý kiến sẽ được giải quyết theo quy định, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn sẽ hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Trường hợp chưa hết thời hạn niêm yết nêu trên, nếu các hộ đồng ý dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và đề nghị được chi trả tiền thì sẽ được xem xét phê duyệt phương án và chi trả sớm trước thời hạn.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn trân trọng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND phường Phù Liễn;
- Cổng thông tin điện tử phường Phù Liễn;
- Phòng KT,HT&ĐT phường;
- Trung tâm Dịch vụ SNC phường;
- Các TDP: Đầu Vũ, Đầu Phượng 1, Đầu Phượng 2; Đồng Tử 3, Đồng Tử 2, Kiến Thiết, Hòa Bình, Vinh Quang;
- Lưu: HĐBTTr&TĐC.

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG PHÙ LIỄN T.P HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯỜNG PHÙ LIỄN

PHÓ GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Trần Thị Hương

UBND PHƯỜNG PHÙ LIỄN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG - HỖ TRỢ - TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN QUẬN KIẾN AN (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số 01/TB-HĐBT&HT ngày 13/3/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn)

Số TT	Họ và tên	Diện tích thu hồi thực hiện dự án (m^2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường cây cối hoa màu (đồng)	Các khoản hỗ trợ (đồng)	Tổng kinh phí BT,HT của các hộ gia đình, cá nhân được nhận (đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7 =4+5+6*
	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU VŨ					
1	Trần Đình Thư, vợ là bà Đặng Thị Xoan	502,70	65.351.000	5.027.000	367.960.300	438.338.300
2	Bùi Thị Trung người đại diện thừa kế	231,40	30.082.000	2.314.000	166.634.600	199.030.600
3	Phạm Văn Tuấn vợ là bà Trần Thị Tuyết	126,70	16.471.000	1.267.000	96.296.300	114.034.300
4	Nguyễn Thị Mồi - Người đại diện	910,70	118.391.000	9.107.000	656.272.300	783.770.300
5	Phạm Thị Hương - Người đại diện	568,80	73.944.000	5.688.000	402.703.200	482.335.200
6	Vũ Đức Thành -Người đại diện thừa kế	545,70	70.941.000	5.457.000	397.587.300	473.985.300
7	Trần Thành Mạnh, Vợ là bà Vũ Thị Nga	93,60	12.168.000	936.000	73.490.400	86.594.400
8	Trần Thành Bảo, vợ là bà Vũ Thị Thuy	90,20	11.726.000	902.000	76.547.800	89.175.800
9	Trần Thành Quân, đại diện người được thừa kế	387,50	50.375.000	3.875.000	275.987.500	330.237.500
10	Nguyễn Đức Dương	9,30	1.209.000	93.000	8.207.700	9.509.700
11	Vũ Thị Hường	73,80	9.594.000	738.000	52.648.200	62.980.200
12	Trần Thành Hệ, vợ là bà Nguyễn Thị Hân	296,80	38.584.000	2.968.000	211.695.200	253.247.200
13	Vũ Đức Thắng, vợ Nguyễn Thị Hướng	37,20	4.836.000	372.000	34.630.800	39.838.800
14	Trần Thị Khảo	312,60	40.638.000	3.126.000	217.181.400	260.945.400
15	Nguyễn Đức Sửu -Người đại diện thừa kế	312,60	40.638.000	3.126.000	217.181.400	260.945.400
16	Trần Đình Quý, vợ là bà Đào Thị Dung	558,80	72.644.000	5.588.000	403.013.200	481.245.200

17	Phạm Văn Lợi, vợ là bà Vũ Thị Dung	319,00	41.470.000	3.190.000	234.191.000	278.851.000
18	Bùi Thị Hiếu -Người đại diện thừa kế	194,20	25.246.000	1.942.000	144.603.800	171.791.800
19	Vũ Văn Minh, vợ là bà Nguyễn Thị Vẽ	17,00	2.210.000	170.000	18.913.000	21.293.000
20	Trần Thị Sáu - Người đại diện	649,50	84.435.000	6.495.000	497.905.500	588.835.500
21	Nguyễn Thị Tý chồng là ông Trần Thành Vớ	1585,20	206.076.000	15.852.000	1.113.802.800	1.335.730.800
22	Trần Đình Diện, vợ là bà Nguyễn Thị Dương	336,20	43.706.000	3.362.000	246.041.800	293.109.800
23	Nguyễn Văn Thắc, vợ là bà Đào Thị Chanh	1027,20	133.536.000	10.272.000	729.340.800	873.148.800
24	Nguyễn Đức Phán, vợ là bà Đào Thị Thư	371,00	48.230.000	3.710.000	262.819.000	314.759.000
25	Vũ Văn Đán, vợ là bà Trần Thị Hương	1,70	221.000	17.000	2.971.300	3.209.300
26	Trần Thành Đạt người đại diện thừa kế	866,50	112.645.000	8.665.000	607.818.500	729.128.500
27	Phạm Thị Lý, Người đại diện thừa kế	518,70	67.431.000	5.187.000	371.784.300	444.402.300
28	Nguyễn Đức Tiến, vợ là bà Đỗ Thị Thủy	518,70	67.431.000	5.187.000	360.984.300	433.602.300
29	Bùi Bá Thuấn, vợ là bà Bùi Thị Thủy	143,40	18.642.000	1.434.000	104.202.600	124.278.600
30	Phạm Văn Minh - Người đại diện	386,60	50.258.000	3.866.000	273.567.400	327.691.400
31	Trần Quốc Hùng, vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết	971,10	126.243.000	9.711.000	683.487.900	819.441.900
32	Đào Phú Sao, vợ là bà Bùi Thị Liêng	744,80	96.824.000	7.448.000	534.767.200	639.039.200
33	Trần Đình Diến, vợ là bà Trần Thị Chi	129,30	16.809.000	1.293.000	99.887.700	117.989.700
34	Hoàng Văn Gắng, vợ là bà Trần Thị Toàn	114,20	14.846.000	1.142.000	85.883.800	101.871.800
35	Nguyễn Thị Tâm, Người đại diện	518,30	67.379.000	5.183.000	371.508.700	444.070.700
36	Nguyễn Văn Cương - Người đại diện thừa kế	211,90	27.547.000	2.119.000	153.199.100	182.865.100
37	Trần Thành Thông, người đại diện thừa kế	1004,90	130.637.000	10.049.000	721.176.100	861.862.100
38	Đào Phú Cuối, vợ là bà Vũ Thị Hưởng	383,40	49.842.000	3.834.000	278.562.600	332.238.600
39	Trần Đình Hòe, vợ là bà Nguyễn Thị	271,50	35.295.000	2.715.000	201.463.500	239.473.500
40	Đào Phú Bể, vợ là bà Trịnh Thị Nhương	471,70	61.321.000	4.717.000	346.601.300	412.639.300
41	Phạm Thị Nên - Người đại diện thừa kế	88,60	11.518.000	886.000	70.045.400	82.449.400
42	Đào Thị Phúc, Người đại diện thừa kế	137,50	17.875.000	1.375.000	105.537.500	124.787.500
43	Bùi Bá Khoa - Người đại diện thừa kế	1018,10	132.353.000	10.181.000	751.870.900	894.404.900
44	Vũ Thị Lành - Người đại diện thừa kế	248,00	32.240.000	2.480.000	172.672.000	207.392.000

45	Đào Thị Xuyên, chồng là ông Trần Thành Tơn	425,40	55.302.000	4.254.000	321.900.600	381.456.600
46	Trần Thị Hiệp- Người đại diện thừa kế	42,10	5.473.000	421.000	32.606.900	38.500.900
47	Trần Minh Tân - Ngườ đại diện thừa kế	644,70	83.811.000	6.447.000	465.798.300	556.056.300
48	Phạm Thị Hợi	189,10	24.583.000	1.891.000	132.089.900	158.563.900
	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU PHƯỢNG 1					
49	Vũ Thị Sẻ- Người đại diện thừa kế	165,10	21.463.000	1.651.000	120.953.900	144.067.900
50	Vũ Đức Phường, vợ là bà Đào Thị Kim	112,10	14.573.000	1.121.000	89.836.900	105.530.900
51	Đào Năng Long, vợ là bà Lê Thị Quý	965,80	125.554.000	9.658.000	676.236.200	811.448.200
52	Trần Thị Liên - Người đại diện thừa kế	441,00	57.330.000	4.410.000	309.249.000	370.989.000
53	Vũ Đức Viết	949,30	123.409.000	9.493.000	675.667.700	808.569.700
54	Nguyễn Văn Cầm, vợ là bà Vũ Thị Liên	463,80	60.294.000	4.638.000	355.558.200	420.490.200
55	Nguyễn Đức Quang, vợ là bà Đào Thị Mai	599,20	77.896.000	5.992.000	427.248.800	511.136.800
56	Đào Năng Lập, vợ là bà Dương Thị Phương	352,10	45.773.000	3.521.000	260.596.900	309.890.900
57	Vũ Đức Hoa - Người đại diện thừa kế	68,10	8.853.000	681.000	50.520.900	60.054.900
58	Vũ Đức Tho, vợ là bà Bùi Thị Lý	363,90	47.307.000	3.639.000	261.527.100	312.473.100
59	Bùi Thị Lá - Người đại diện thừa kế	220,20	28.626.000	2.202.000	158.917.800	189.745.800
60	Phạm Văn Hy, vợ là bà Vũ Thị Xuân	336,90	43.797.000	3.369.000	246.524.100	293.690.100
61	Trần Thành Thủy, vợ là bà Hoàng Thị	956,90	124.397.000	9.569.000	677.304.100	811.270.100
62	Hoàng Hữu Quý (Hoàng Hữu Hòa), vợ là bà Đào Thị Yến	421,80	54.834.000	4.218.000	305.020.200	364.072.200
63	Lưu Thị Lụt - Người đại diện thừa kế	260,60	33.878.000	2.606.000	186.753.400	223.237.400
64	Bùi Thị Chính	308,30	40.079.000	3.083.000	221.418.700	264.580.700
65	Nguyễn Văn Thắng - Đại diện thừa kế	356,60	46.358.000	3.566.000	270.897.400	320.821.400
66	Đào Năng Đinh, vợ là bà Vũ Thị Hiền	49,60	6.448.000	496.000	39.574.400	46.518.400
67	Đào Thị Be - Người đại diện thừa kế	245,10	31.863.000	2.451.000	172.473.900	206.787.900
68	Vũ Đức Bình người đại diện thừa kế	57,60	7.488.000	576.000	45.086.400	53.150.400
69	Phạm Thị Muộn đại diện người thừa kế	20,00	2.600.000	200.000	22.780.000	25.580.000

70	Đào Năng Minh - Người đại diện thừa kế	198,80	25.844.000	1.988.000	140.573.200	168.405.200
71	Phạm Thị Nhường - Người đại diện	489,80	63.674.000	4.898.000	355.472.200	424.044.200
72	Đào Thi Hân chồng là ông Lê Văn Nội	400,70	52.091.000	4.007.000	281.482.300	337.580.300
	TỔ DÂN PHỐ ĐẦU PHƯỢNG 2					
73	Nguyễn Thị Thuần - Người đại diện thừa kế	328,00	42.640.000	3.280.000	231.392.000	277.312.000
74	Nguyễn Thị Thơ -Người đại diện thừa kế	455,10	59.163.000	4.551.000	324.363.900	388.077.900
75	Đào Thị Thành- Người đại diện thừa kế	378,20	49.166.000	3.782.000	269.579.800	322.527.800
76	Bùi Văn Việt, vợ là bà Phạm Thị Hằng	437,90	56.927.000	4.379.000	308.913.100	370.219.100
77	Nguyễn Văn Tân, vợ là Bùi Thị Sứ	586,30	76.219.000	5.863.000	425.560.700	507.642.700
78	Vũ Đức Vinh, vợ là bà Nguyễn Thị Thêm	245,20	31.876.000	2.452.000	190.542.800	224.870.800
79	Trần Thị Phương - Người đại diện thừa kế	344,00	44.720.000	3.440.000	246.016.000	294.176.000
80	Nguyễn Thị Vụ, Chồng là ông Vũ Thành Dương	612,10	79.573.000	6.121.000	436.136.900	521.830.900
81	Ngô Thị Dung - Người đại diện thừa kế	3,60	468.000	36.000	7.880.400	8.384.400
82	Bùi Văn Phượng - Người đại diện thừa kế	355,80	46.254.000	3.558.000	250.546.200	300.358.200
83	Nguyễn Thị Lới - Người đại diện thừa kế	23,10	3.003.000	231.000	21.315.900	24.549.900
84	Đào Thị Gái -Người đại diện thừa kế	633,80	82.394.000	6.338.000	454.688.200	543.420.200
85	Vũ Thị Tiếp - Người đại diện thừa kế	2,20	286.000	22.000	6.915.800	7.223.800
86	Bùi Thị Phương - Người đại diện thừa kế	8,30	1.079.000	83.000	9.318.700	10.480.700
87	Nguyễn Văn Cường vợ người đại diện thừa kế	383,70	49.881.000	3.837.000	300.369.300	354.087.300
88	Bùi Đức Thiện vợ là bà Trần Thị Nhạn	170,90	22.217.000	1.709.000	130.350.100	154.276.100
	TỔ DÂN PHỐ KIẾN THIẾT					
89	Trần Thị Ton (Từng)	184,10	23.933.000	1.841.000	134.044.900	159.818.900
90	Trần Hữu Cần và những người có quyền lợi liên quan	531,40	69.082.000	5.314.000	384.134.600	458.530.600
91	Đặng Thị Nhung	419,90	54.587.000	4.199.000	303.711.100	362.497.100
92	Vũ Thị Nuôi	186,40	24.232.000	1.864.000	133.829.600	159.925.600
93	Hoàng Thị Doan	980,40	127.452.000	9.804.000	693.495.600	830.751.600
94	Phạm Đình Tiến	546,00	70.980.000	5.460.000	390.594.000	467.034.000
95	Phạm Thị Làn	0,90	117.000	9.000	9.620.100	9.746.100

96	Lê Thị Hải	164,20	21.346.000	1.642.000	116.733.800	139.721.800
97	Trần Thị Hằng	141,90	18.447.000	1.419.000	103.169.100	123.035.100
98	Trần Thị Cậy	300,60	39.078.000	3.006.000	212.513.400	254.597.400
99	Hoàng Văn Bế	250,10	32.513.000	2.501.000	181.318.900	216.332.900
100	Trần Hữu Hưng	3,30	429.000	33.000	11.273.700	11.735.700
101	Hoàng Văn Cầu	460,90	59.917.000	4.609.000	322.960.100	387.486.100
102	Trần Văn Đùn (tức Đoàn)	144,10	18.733.000	1.441.000	111.884.900	132.058.900
103	Vũ Văn Sơn	485,10	63.063.000	4.851.000	345.033.900	412.947.900
104	Phạm Thị Sóng	490,70	63.791.000	4.907.000	341.692.300	410.390.300
105	Phạm Thị Phương và những người có quyền lợi liên quan	114,80	14.924.000	1.148.000	88.097.200	104.169.200
106	Phạm Đức Loát và những người có quyền lợi liên quan	79,00	10.270.000	790.000	59.831.000	70.891.000
107	Phạm Đức Loát	79,00	10.270.000	790.000	59.831.000	70.891.000
108	Hoàng Văn Thường	360,10	46.813.000	3.601.000	276.908.900	327.322.900
109	Phạm Đức Men và những người có quyền lợi liên quan	164,00	21.320.000	1.640.000	123.796.000	146.756.000
110	Phạm Đức Men	178,30	23.179.000	1.783.000	131.848.700	156.810.700
111	Vũ Thị Kẽ (Phạm Khắc Dụng)	515,50	67.015.000	5.155.000	358.779.500	430.949.500
112	Nguyễn Thị Xinh	378,10	49.153.000	3.781.000	264.110.900	317.044.900
113	Trịnh Thị Mây	328,40	42.692.000	3.284.000	231.667.600	277.643.600
114	Trần Thị Hạnh	151,50	19.695.000	1.515.000	125.983.500	147.193.500
115	Đỗ Văn Thương	544,50	70.785.000	5.445.000	396.760.500	472.990.500
116	Trần Hữu Phúc (giăng)	186,70	24.271.000	1.867.000	143.036.300	169.174.300
117	Hoàng Văn Phích	397,00	51.610.000	3.970.000	278.933.000	334.513.000
118	Phạm Đức Kiên vợ là Vũ Thị Phố	170,80	22.204.000	1.708.000	123.081.200	146.993.200
119	Phạm Thị Thăm	205,90	26.767.000	2.059.000	147.265.100	176.091.100
120	Trần Hữu Cường	80,80	10.504.000	808.000	62.871.200	74.183.200
121	Phạm Thị Ngoan	36,70	4.771.000	367.000	28.886.300	34.024.300

122	Phạm Đức Thoa	125,80	16.354.000	1.258.000	93.876.200	111.488.200
123	Phạm Khắc Chanh	131,20	17.056.000	1.312.000	99.396.800	117.764.800
124	Hoàng Văn Mỹ	141,90	18.447.000	1.419.000	104.969.100	124.835.100
125	Trần Thị Hoa và những người có quyền lợi liên quan	28,20	3.666.000	282.000	30.229.800	34.177.800
126	Phạm Thị Ngoách	81,20	10.556.000	812.000	61.346.800	72.714.800
127	Nguyễn Văn Hải	116,80	15.184.000	1.168.000	87.675.200	104.027.200
128	Nguyễn Thị Phái	116,40	15.132.000	1.164.000	83.799.600	100.095.600
129	Phạm Đức Khịt	181,70	23.621.000	1.817.000	134.191.300	159.629.300
130	Phạm Đức Năng và những người có quyền lợi liên quan	210,50	27.365.000	2.105.000	154.034.500	183.504.500
131	Hoàng Văn Đà	165,90	21.567.000	1.659.000	119.705.100	142.931.100
132	Phạm Đức Cựu	250,30	32.539.000	2.503.000	181.456.700	216.498.700
133	Phạm Khắc Nhẫn (tức Dĩn)	131,20	17.056.000	1.312.000	104.796.800	123.164.800
134	Phạm Khắc Din	99,90	12.987.000	999.000	76.031.100	90.017.100
135	Phạm Văn Ò	183,90	23.907.000	1.839.000	130.307.100	156.053.100
136	Phạm Thị Gái	154,30	20.059.000	1.543.000	115.312.700	136.914.700
137	Phạm Đức Tân	259,20	33.696.000	2.592.000	183.988.800	220.276.800
138	Đỗ Văn Tuấn	249,70	32.461.000	2.497.000	173.843.300	208.801.300
139	Trần Thị Xuyến	73,00	9.490.000	730.000	52.097.000	62.317.000
	TỔ DÂN PHỐ HÒA BÌNH					
140	Trần Thị Nga	190,50	24.765.000	1.905.000	138.454.500	165.124.500
141	Phạm Quang Hiền	88,00	11.440.000	880.000	64.232.000	76.552.000
142	Phạm Quang Tầu	169,60	22.048.000	1.696.000	134.854.400	158.598.400
143	Phạm Quang Sáu	247,30	32.149.000	2.473.000	177.589.700	212.211.700
144	Trần Thị Phượng	396,40	51.532.000	3.964.000	280.319.600	335.815.600
145	Phạm Quang Hăng	144,10	18.733.000	1.441.000	101.084.900	121.258.900
146	Phạm Thị Tành	7,50	975.000	75.000	6.967.500	8.017.500
147	Phạm Đức Bình	105,60	13.728.000	1.056.000	78.158.400	92.942.400

148	Phạm Khắc Tuyến	470,70	61.191.000	4.707.000	353.112.300	419.010.300
149	Nguyễn Văn Thìn	376,70	48.971.000	3.767.000	281.146.300	333.884.300
150	Phạm Thị Thiều và những người có quyền lợi liên quan	280,30	36.439.000	2.803.000	211.126.700	250.368.700
151	Trần Thị Mây và những người có quyền lợi liên quan	227,50	29.575.000	2.275.000	165.747.500	197.597.500
152	Trần Hữu Lưu	182,90	23.777.000	1.829.000	133.218.100	158.824.100
153	Phạm Đức Vương	122,80	15.964.000	1.228.000	88.209.200	105.401.200
154	Trần Hữu My	141,90	18.447.000	1.419.000	106.769.100	126.635.100
155	Phạm Thị Nguyện	540,70	70.291.000	5.407.000	383.342.300	459.040.300
156	Phạm Quang Nhật và những người có quyền lợi liên	31,90	4.147.000	319.000	27.379.100	31.845.100
	TỔ DÂN PHỐ VINH QUANG					
157	Trần Hữu Lâm Bổ sung)	300,00	39.000.000	3.000.000	235.500.000	277.500.000
158	Trần Hữu Chiến	382,70	49.751.000	3.827.000	299.680.300	353.258.300
159	Phạm Đức Tách	454,10	59.033.000	4.541.000	316.474.900	380.048.900
160	Trần Hữu Sơn	363,00	47.190.000	3.630.000	259.107.000	309.927.000
161	Phạm Văn Minh (Phạm Anh Tuấn	366,80	47.684.000	3.668.000	263.525.200	314.877.200
162	Phạm Thị Miên	219,30	28.509.000	2.193.000	172.697.700	203.399.700
163	Phạm Đức Đồng	617,70	80.301.000	6.177.000	432.795.300	519.273.300
164	Phạm Thị Tư	384,90	50.037.000	3.849.000	272.396.100	326.282.100
165	Phạm Thị Lào	376,40	48.932.000	3.764.000	261.139.600	313.835.600
166	Trần Thị Hưng	383,00	49.790.000	3.830.000	267.487.000	321.107.000
167	Trần Hữu Hành	337,50	43.875.000	3.375.000	236.137.500	283.387.500
168	Phạm Đức Bắc (Bổ sung)	332,00	43.160.000	3.320.000	257.548.000	304.028.000
169	Phạm Đức Nam	332,00	43.160.000	3.320.000	264.748.000	311.228.000
170	Vũ Văn Hảo	364,90	47.437.000	3.649.000	256.816.100	307.902.100
171	Trần Thị Thú (chồng là Lâm Đình Lý)	620,30	80.639.000	6.203.000	430.986.700	517.828.700
172	Phạm Thị Ngận	333,70	43.381.000	3.337.000	237.119.300	283.837.300
173	Đinh Thị Tươi	388,50	50.505.000	3.885.000	271.276.500	325.666.500

174	Phạm Đức Khen	818,00	106.340.000	8.180.000	570.802.000	685.322.000
175	Trần Thị Lan	523,60	68.068.000	5.236.000	385.960.400	459.264.400
176	Phạm Thị Hà và những người có quyền lợi liên quan	555,80	72.254.000	5.558.000	411.746.200	489.558.200
177	Phạm Thị Mơ	408,10	53.053.000	4.081.000	288.380.900	345.514.900
178	Trần Hữu Trụ	293,40	38.142.000	2.934.000	216.552.600	257.628.600
179	Phạm Đức Hướng	360,00	46.800.000	3.600.000	251.640.000	302.040.000
180	Phạm Thị Duyên	785,60	102.128.000	7.856.000	559.278.400	669.262.400
181	Phạm Khắc Tái	361,20	46.956.000	3.612.000	270.466.800	321.034.800
182	Phạm Khắc Lập	348,90	45.357.000	3.489.000	269.192.100	318.038.100
183	Phạm Tiến Đụa	218,20	28.366.000	2.182.000	171.939.800	202.487.800
184	Phạm Thị Mắn	368,70	47.931.000	3.687.000	261.234.300	312.852.300
185	Bùi Thị Hòa và những người có quyền lợi liên quan	250,70	32.591.000	2.507.000	187.132.300	222.230.300
186	Trần Hữu Phúc (Trần Thị Lan)	670,90	87.217.000	6.709.000	491.050.100	584.976.100
187	Trần Thị Thuyết (nhận chuyển nhượng Phạm Đức Quyền)	284,50	36.985.000	2.845.000	214.020.500	253.850.500
188	Phạm Văn Đạo	324,80	42.224.000	3.248.000	238.187.200	283.659.200
189	Đào Thị Hạnh	640,40	83.252.000	6.404.000	452.035.600	541.691.600
190	Trần Thị Tim	568,50	73.905.000	5.685.000	393.496.500	473.086.500
191	Trần Thị Loan (Cượp)	220,20	28.626.000	2.202.000	158.917.800	189.745.800
192	Đoàn Thị Nga	122,00	15.860.000	1.220.000	91.258.000	108.338.000
193	Phạm Thị Hà	385,70	50.141.000	3.857.000	294.547.300	348.545.300
194	Phạm Thị Thành và những người có quyền lợi liên quan	496,80	64.584.000	4.968.000	371.095.200	440.647.200
195	Phạm Đức Lầm	628,60	81.718.000	6.286.000	440.305.400	528.309.400
196	Phạm Đức Hiệu	670,80	87.204.000	6.708.000	469.381.200	563.293.200
197	Phạm Thị Thiềm	276,20	35.906.000	2.762.000	211.901.800	250.569.800
198	Phạm Thị Nhạn	95,00	12.350.000	950.000	70.855.000	84.155.000

199	Phạm Thị Kỳ	50,70	6.591.000	507.000	56.532.300	63.630.300
	TỔ DÂN PHỐ ĐỒNG TỬ 3					
200	Tô Vĩnh Diện (Đại diện)	273,00	35.490.000	2.730.000	193.497.000	231.717.000
201	Lê Văn Vượng (đại diện của ông Lê Văn Thòong)	917,10	119.223.000	9.171.000	646.281.900	774.675.900
202	Tô Quang Định vợ là Nguyễn Thị Thắm	771,50	100.295.000	7.715.000	545.963.500	653.973.500
203	Đỗ Thị Hương (vợ ông Nguyễn Duy Hòa) Đại diện	67,10	8.723.000	671.000	57.031.900	66.425.900
204	Đinh Văn Cảnh vợ là Nguyễn Thị Huế	191,00	24.830.000	1.910.000	138.799.000	165.539.000
205	Nguyễn Thị Thủy (đại diện)	817,70	106.301.000	8.177.000	574.195.300	688.673.300
206	Hoàng Thị Hương chồng là Đinh Văn Được	164,90	21.437.000	1.649.000	120.816.100	143.902.100
207	Trần Thị Truyền (Đại diện)	305,20	39.676.000	3.052.000	224.682.800	267.410.800
208	Lê Thị Oanh (Đại diện)	336,90	43.797.000	3.369.000	239.324.100	286.490.100
209	Vũ Văn Chung (Đại diện)	5,20	676.000	52.000	10.782.800	11.510.800
210	Lê Văn Thạo (Đại diện)	490,20	63.726.000	4.902.000	348.547.800	417.175.800
211	Tô Văn Thịnh (đại diện)	223,70	29.081.000	2.237.000	157.729.300	189.047.300
212	Đinh Văn Ngọ (đại diện)	277,50	36.075.000	2.775.000	192.997.500	231.847.500
213	Hoàng Văn Thụy (đại diện)	75,60	9.828.000	756.000	57.488.400	68.072.400
214	Đào Phú Hạ (đại diện)	596,30	77.519.000	5.963.000	418.050.700	501.532.700
215	Đoàn Thị Huệ (Đại diện)	752,90	97.877.000	7.529.000	522.348.100	627.754.100
216	Nguyễn Văn Lĩnh (đại diện)	41,50	5.395.000	415.000	32.193.500	38.003.500
217	Nguyễn Văn Lĩnh (đại diện)	483,40	62.842.000	4.834.000	369.062.600	436.738.600
218	Phạm Thị Vin	360,20	46.826.000	3.602.000	276.977.800	327.405.800
219	Trương Thị Xạ (đại diện)	707,50	91.975.000	7.075.000	505.467.500	604.517.500
220	ông Bùi Xuân Năng	65,00	8.450.000	650.000	48.385.000	57.485.000
221	Trần Thị Nga	546,90	71.097.000	5.469.000	405.614.100	482.180.100
	TỔ DÂN PHỐ ĐỒNG TỬ 2					
222	Vũ Thị Mơ	312,20	40.586.000	3.122.000	227.705.800	271.413.800

223	Trịnh Thị Thu Hiền (đại diện)	834,40	108.472.000	8.344.000	592.901.600	709.717.600
224	Vũ Thị Phìn	50,80	6.604.000	508.000	38.601.200	45.713.200
225	Vũ Minh Dương	592,80	77.064.000	5.928.000	415.639.200	498.631.200
226	Mai Thị The (đại diện)	896,50	116.545.000	8.965.000	635.688.500	761.198.500
227	ông Trần Văn Khang (đại diện)	7,30	949.000	73.000	6.829.700	7.851.700
228	Hộ ông Trần Văn Hồng	143,00	18.590.000	1.430.000	112.927.000	132.947.000
229	Cao Thị Gửi (đại diện)	329,10	42.783.000	3.291.000	230.349.900	276.423.900
230	Nguyễn Thị Loan	145,00	18.850.000	1.450.000	105.305.000	125.605.000
231	Vũ Văn Khanh	517,70	67.301.000	5.177.000	358.495.300	430.973.300
232	Vũ Thị Hương (đại diện)	260,80	33.904.000	2.608.000	185.091.200	221.603.200
233	Đào Văn Huân	595,60	77.428.000	5.956.000	417.568.400	500.952.400
234	Bùi Thị Nên	203,90	26.507.000	2.039.000	147.687.100	176.233.100
235	Vũ Thị Ngát	320,10	41.613.000	3.201.000	224.148.900	268.962.900
236	Trần Văn Giêng	296,80	38.584.000	2.968.000	233.295.200	274.847.200
237	Bùi Đình Tộ	3442,40	447.512.000	34.424.000	2.382.613.600	2.864.549.600
238	Ngô Thị Bên (Đại diện)	358,00	46.540.000	3.580.000	255.662.000	305.782.000
239	Trần Thị Giồng	170,50	22.165.000	1.705.000	121.074.500	144.944.500
240	Trần Thị Dờ	114,80	14.924.000	1.148.000	89.897.200	105.969.200
	Tổng	**84.412,10**	**10.973.573.000**	**844.121.000**	**60.939.136.900**	**72.756.830.900**